

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55 /2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động
của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 117/2009/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; Nghị định số 71/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội;

Xét ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 3621/STP-VB ngày 17 tháng 9 năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 856/TTr-SNV ngày 24 tháng 10 năm 2013;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ Quy chế (mẫu) ban hành kèm theo Quyết định này và các quy định pháp luật liên quan, chỉ đạo việc xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện phù hợp với tình hình quận - huyện, phường - xã, thị trấn nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm, chậm nhất là sau 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, có hướng dẫn chi tiết cho Ủy ban nhân dân quận - huyện, bảo đảm áp dụng thống nhất về trang phục (màu sắc, kiểu dáng, v.v...) và thẻ đeo của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện.

Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị; kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị các Bộ - ngành Trung ương xem xét, giải quyết các vướng mắc về quản lý tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chính phủ (để báo cáo);
- Thanh tra Chính phủ; Bộ Tư pháp;
- Bộ Xây dựng; Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ và các Đoàn thể Thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân TP;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Công an TP (PC 64); Sở Nội vụ (3b);
- Các Báo, Đài Thành phố;
- VPUB: Các PVP; Các Phòng CV; TTCB;
- Lưu: VT, (PCNC/TN) H. 415

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KI CHỨC TỊCH



Nguyễn Hữu Tín

QUY CHẾ (Mẫu)

**Tổ chức và hoạt động của
Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 55 /2013/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**Chương I
VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện do Ủy ban nhân dân quận - huyện thành lập nhằm giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện công tác quản lý nhà nước về trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, tổ chức thi hành các quyết định hành chính và thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện giao.

2. Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện trực thuộc Phòng Quản lý đô thị quận - huyện; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận - huyện, đồng thời chịu sự hướng dẫn kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở - ngành liên quan.

3. Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện sử dụng con dấu và tài khoản của Phòng Quản lý đô thị quận - huyện để hoạt động, được trang bị phương tiện làm việc cần thiết theo quy định của pháp luật.

**Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực quản lý trật tự đô thị và kiểm tra việc chấp hành pháp luật trên các lĩnh vực quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn, tham mưu Trưởng Phòng Quản lý đô thị trình Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện;

2. Tham mưu trình Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận - huyện kế hoạch tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tổ chức, cá nhân đình chỉ ngay các hành vi vi phạm trong các lĩnh vực:

a) Về trật tự lòng lề đường, nơi công cộng trên địa bàn quận - huyện;

b) Về vệ sinh môi trường trên địa bàn quận - huyện.

3. Tham mưu, đề xuất về các hình thức xử lý vi phạm hành chính trên các lĩnh vực phụ trách theo quy định của pháp luật và Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét quyết định; theo dõi việc thực hiện các quyết định hành chính đã ban hành, đôn đốc thực hiện các quyết định đã có hiệu lực thi hành; đề xuất biện pháp cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn quận - huyện không tự giác chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

4. Các quyết định hành chính gồm: Quyết định hành chính có nội dung về giải quyết các vấn đề liên quan đến nhà, đất của cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật; quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện; quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật của Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thành phố hoặc quyết định giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính ở Trung ương có hiệu lực thi hành tại địa bàn quận - huyện; các quyết định hành chính khác theo quy định của pháp luật.

5. Tuần tra, phát hiện và thông báo kịp thời đến Đội Thanh tra xây dựng địa bàn thuộc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn tình hình xây dựng trên địa bàn phường - xã, thị trấn.

6. Tham mưu, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Đội;

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quy định cụ thể bằng văn bản.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện có Đội trưởng, không quá 2 Đội phó (Đối với các quận có trên 400.000 dân và huyện có trên 300.000 dân được bố trí không quá 3 Đội phó) và các thành viên.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Đội trưởng, Đội phó do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện có thể do Phó Trưởng Phòng Quản lý đô thị kiêm nhiệm (trong số lượng cấp phó phòng theo quy định) chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Trưởng Phòng Quản lý đô thị và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị.

4. Đội phó Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện thực hiện nhiệm vụ do Đội trưởng phân công, chịu trách nhiệm trước Đội trưởng và pháp luật về lĩnh vực được phân công.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội trưởng:

a) Tham mưu Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành và tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực được phân công.

b) Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, quận - huyện có liên quan, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn tổ chức triển khai, thực hiện cưỡng chế thi hành các quyết định hành chính đã có hiệu lực thi hành.

c) Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Đội đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội; kịp thời phối hợp với Đội Thanh tra xây dựng địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trong thực thi nhiệm vụ; tham mưu, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện những vấn đề phức tạp, phát sinh khi thi hành quyết định.

d) Tham mưu (hoặc ký) các văn bản liên quan chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đội theo quy định.

đ) Tham mưu, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xử lý cán bộ, công chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ, công vụ.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội phó:

Đội phó có nhiệm vụ giúp Đội trưởng thực hiện, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Đội trưởng.

7. Nhiệm vụ của các thành viên:

a) Chấp hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội, sự phân công của Đội trưởng, Đội phó phụ trách.

b) Kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định trong lĩnh vực phụ trách (công chức đang thi hành công vụ) chuyển Đội trưởng xử lý theo quy định và tham gia tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 4. Biên chế

1. Biên chế Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện thuộc chỉ tiêu biên chế hành chính của quận - huyện, được bố trí theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố giao hàng năm.

2. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân quận - huyện được quyền quyết định thành lập Tổ Quản lý trật tự đô thị phường - xã, thị trấn trực thuộc Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện.

3. Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định số lượng cộng tác viên phù hợp điều kiện đặc thù từng địa bàn của quận - huyện và thực hiện hợp đồng lao động khoán việc trên cơ sở nguồn kinh phí quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Chương IV **CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, TIỀN LƯƠNG, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH**

Điều 5. Chế độ chính sách, tiền lương

1. Đối với công chức, hợp đồng tạm tuyển hiện đang hưởng lương ngạch, bậc công chức hành chính tiếp tục hưởng theo quy định.
2. Đối với cộng tác viên: Thực hiện hợp đồng lao động khoán việc theo quy định của Bộ luật Lao động, mức lương khoán theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 6. Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo

1. Mức phụ cấp chức vụ như sau:
 - Đội trưởng hưởng hệ số: 0,25
 - Đội phó hưởng hệ số : 0,20
2. Trường hợp đã giữ chức vụ theo thời hạn được bổ nhiệm trước khi sắp xếp Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện còn dưới 6 tháng, thì được hưởng bảo lưu phụ cấp chức vụ cũ đủ 6 tháng; trường hợp trên 6 tháng thì bảo lưu mức phụ cấp chức vụ đến hết thời hạn đã được bổ nhiệm.
3. Kinh phí giải quyết bảo lưu phụ cấp chức vụ đối với các chức danh trên do ngân sách nhà nước cấp.

Điều 7. Trang phục

1. Trọ cấp trang phục: Mỗi năm trọ cấp 02 bộ.
2. Trang phục:
 - Áo màu xanh da trời nhạt, có cầu vai, 2 túi có nắp và khuy cài;
 - Nón, quần màu xanh đậm;
 - Thẻ đeo có dán ảnh (tương tự thẻ cán bộ, công chức).

Điều 8. Nguồn kinh phí

1. Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện thực hiện cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.
2. Tiền phạt thu từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính do Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện tham mưu xử lý phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở số tiền thu được, đơn vị thụ hưởng xây dựng dự toán về mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động, chi cộng tác viên và các nhiệm vụ khác chưa được ngân sách đảm bảo, để Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ quy định và hướng dẫn của Sở Tài chính trong từng lĩnh vực cụ thể quyết định cấp lại số thu phạt cho đơn vị theo dự toán với mức tối đa 100% số thu từ xử phạt vi phạm hành chính được nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Nguồn thu do trích từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng của Đội Thanh tra xây dựng do Đội Quản lý trật tự đô thị phối hợp thực hiện nhiệm vụ liên quan theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Chương V **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 9. Chế độ làm việc, hội họp, báo cáo

1. Chế độ làm việc:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện thực hiện thời gian làm việc theo quy định pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân quận - huyện; xây dựng quy chế làm việc của Đội Quản lý trật tự đô thị theo quy định.

b) Đội trưởng điều hành toàn bộ hoạt động của Đội và chịu trách nhiệm trước Trưởng Phòng Quản lý đô thị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện về hiệu quả công tác của Đội. Đội trưởng phân công công việc cho Đội phó và các thành viên.

c) Thành viên Đội Quản lý trật tự đô thị được phân công nhiệm vụ cụ thể, mặc trang phục theo quy định, có bảng tên đặt tại bàn làm việc đồng thời phải đeo thẻ thành viên Đội khi thi hành nhiệm vụ.

d) Thành viên Đội Quản lý trật tự đô thị chịu trách nhiệm thi hành quy định của pháp luật, quy định của Ủy ban nhân dân quận - huyện, quy chế làm việc của Đội; có tác phong làm việc tận tụy, thái độ lịch sự, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Đội, của đồng nghiệp, của tổ chức và nhân dân trong quan hệ công tác.

2. Chế độ hội họp, báo cáo:

a) Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện hàng tuần tổ chức họp Đội để kiểm tra, đánh giá, nhận xét thực hiện công việc tuần qua và triển khai nhiệm vụ tuần tới. Hàng tháng tổ chức giao ban với Đội Thanh tra xây dựng địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn để trao đổi tình hình thực hiện nhiệm vụ, kinh nghiệm công tác và phổ biến các chủ trương, kế hoạch, biện pháp mới của Ủy ban nhân dân quận - huyện nhằm nâng cao kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Đội trưởng có quyền tổ chức họp Đội đột xuất để triển khai các công việc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

c) Hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và cuối năm, Đội thống kê tình hình thực hiện các quyết định hành chính và báo cáo sơ, tổng kết công tác đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Điều 10. Mối quan hệ công tác

Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện có mối quan hệ công tác như sau:

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện:

Đội chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp toàn diện của Ủy ban nhân dân quận - huyện. Đội trưởng trực tiếp nhận sự chỉ đạo và phải thường xuyên báo cáo với Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận - huyện về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với Trường Phòng Quản lý đô thị:

Đội trưởng chịu trách nhiệm trước Trường Phòng Quản lý đô thị và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị.

3. Đối với Đội Thanh tra xây dựng địa bàn:

a) Đội thực hiện tuần tra, phát hiện và thông báo kịp thời bằng văn bản về tình hình xây dựng trên địa bàn cho Đội Thanh tra xây dựng địa bàn.

b) Đội Thanh tra xây dựng địa bàn có trách nhiệm cử cán bộ trực ban tiếp nhận thông tin (có sổ ghi chép đầy đủ) của Đội Quản lý trật tự đô thị chuyển đến và báo cáo Đội trưởng Đội Thanh tra xây dựng địa bàn xử lý theo quy định.

c) Phối hợp thi hành cưỡng chế các công trình xây dựng vi phạm trên địa bàn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

4. Đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường:

Đội có trách nhiệm phối hợp phát hiện, thông báo kịp thời bằng văn bản với Phòng Tài nguyên và Môi trường, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm để xử lý trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm hướng dẫn về kinh phí và các chế độ liên quan (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trích thưởng...) bảo đảm cho Đội hoạt động có hiệu quả.

6. Đối với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:

Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện có trách nhiệm phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chương trình quản lý đối với người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn quận - huyện khi có yêu cầu.

7. Đối với Công an quận - huyện:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện phối hợp với Công an quận - huyện thực hiện chương trình, kế hoạch công tác liên quan trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

b) Được Công an quận - huyện hỗ trợ, bảo đảm giữ gìn an ninh trật tự trong khi thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền.

8. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội quận - huyện:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện thường xuyên phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, chính trị - xã hội quận - huyện trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trên các lĩnh vực liên quan chức năng, nhiệm vụ của Đội.

b) Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Đội, Đội trưởng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc tham mưu Trưởng Phòng Quản lý đô thị trình Ủy ban nhân dân quận - huyện giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

c) Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện có mối quan hệ phối hợp và hỗ trợ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định. Trong phối hợp giải quyết công việc, nếu có ý kiến khác nhau mà sau khi trao đổi, bàn bạc chưa thống nhất được những vấn đề quan trọng, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện phải báo cáo kịp thời để Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, giải quyết.

9. Đối với Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn:

Đội tổ chức kiểm tra tình hình trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn xử lý các hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền trên địa bàn phường - xã, thị trấn; Thực hiện tuần tra, phát hiện và thông báo kịp thời về tình hình xây dựng trên địa bàn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân (hoặc Phó Chủ tịch).

10. Đối với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phường - xã, thị trấn:

Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện phối hợp tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trên các lĩnh vực liên quan chức năng, nhiệm vụ của Đội; Xử lý kịp thời những thông tin liên quan chức năng, nhiệm vụ của Đội do Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phát hiện, phản ánh.

Chương VI KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 11. Khen thưởng

Đội Quản lý trật tự đô thị, thành viên Đội có thành tích trong công tác thì được Đội trưởng đề xuất Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận - huyện báo cáo đề nghị Ủy ban nhân dân quận - huyện khen thưởng theo quy định.

Điều 12. Kỷ luật

Đội Quản lý trật tự đô thị, thành viên Đội có hành vi vi phạm quy định pháp luật, vi phạm quy chế làm việc, không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo Luật Cán bộ, công chức, Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật liên quan hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện; Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, các cơ quan tổ chức có liên quan, Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn, và các cơ quan, tổ chức có liên quan ở phường - xã, thị trấn có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, có sơ kết việc thực hiện quy chế, rút kinh nghiệm những mặt làm được, chưa làm được, Đội Quản lý trật tự đô thị đề xuất những vấn đề mới phát sinh theo yêu cầu nhiệm vụ, đề xuất bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Chữ ký)

Họ và tên người ký văn bản